

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai điều chỉnh phân bổ dự toán ngân sách năm 2025
của Thống kê tỉnh Thanh Hóa**

TRƯỞNG THỐNG KÊ, THỐNG KÊ TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2288/QĐ-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Quyết định số 384/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-CTK ngày 11/7/2025 của Cục trưởng Cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc Cục Thống kê; Quyết định số 913/QĐ-CTK ngày 11/7/2025 của Cục trưởng Cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thống kê cơ sở thuộc Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1541/QĐ-TCTK ngày 27/12/2024 của Tổng cục Thống kê về giao dự dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-CTK ngày 16/7/2025 của Cục Thống kê về việc giao biên chế công chức năm 2025 cho các đơn vị hành chính thuộc và trực thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 1191/QĐ-CTK ngày 10/10/2025 của Cục Thống kê về việc điều chỉnh phân bổ dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng, Thống kê tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Thống kê tỉnh Thanh Hóa (chi tiết tại các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Thống kê tỉnh Thanh Hóa chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban KHTC-CTK;
- KBNN nơi giao dịch;
- Đăng trên trang Web của TKT;
- Các đơn vị thuộc TKT;
- Lưu: VT, KT.

TRƯỞNG THỐNG KÊ



Thái Bá Minh

Đơn vị: **THỐNG KÊ TỈNH THANH HÓA**

Chương:018

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ
TRỰC THUỘC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 64/QĐ-CTK ngày 13/10/2025 của Thống kê tỉnh Thanh Hóa)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	TKT
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.448	7.448	7.448
1	Chi quản lý hành chính	7.433	7.433	7.433
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-281	-281	-281
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	7.714	7.714	7.714
2	Nghiên cứu khoa học			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	15	15	15
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	15	15	15
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			



5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
11	Chi Chương trình mục tiêu			
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia			
2	Chi Chương trình mục tiêu			

